

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Vũ Thị Hải Vân;

+ Ông Nguyễn Văn Đang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX- ST ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường V, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Ông Dương Viết T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường V, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Ông Dương Viết T là người hưởng trợ cấp hàng tháng chất độc hóa học; khuyết tật nghe, nói).

*******. Người phiên dịch cho ông Dương Viết T: Anh Dương Viết Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường V, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

*. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, bà Đoàn Thị H. Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Bà L, bà T, bà H có mặt; ông T, anh Th vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Dương Viết T được tự do tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương ngày 04/6/1994 nhưng chưa đăng ký kết hôn, sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cách ứng xử, mặc dù bà đã phân tích cho ông T rất nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi tính nết. Lý do ông bà không đăng ký kết hôn là do ông bà không nhận thức được tầm quan trọng của việc đăng ký kết hôn nên không đi cùng nhau đến Ủy ban nhân dân phường để đăng ký kết hôn. Đến nay, bà không còn tình cảm với ông T nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn (tức không công nhận bà và ông Dương Viết T là vợ chồng). Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung, cháu lớn tên là cháu Dương Viết Th, sinh ngày 02/4/1995, cháu bé tên là Dương Viết H, sinh ngày 17/9/2001. Cháu Th đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết; bà đề nghị Tòa án cho bà được nuôi cháu H. Về vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi cháu H thì bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Về chia tài sản, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản khai; biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; bị đơn là ông Dương Viết T trình bày, anh Dương Viết Th phiên dịch lời trình bày của ông T như sau: Ông T và bà L được tự do tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 04/6/1994 nhưng chưa đăng ký kết hôn, sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay như bà L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống cùng nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Đến nay, ông không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị L nữa nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L là đề nghị Tòa án cho ông bà ly hôn (tức không công nhận bà L và ông là vợ chồng).

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung, cháu lớn tên là Dương Viết Th, sinh ngày 02/4/1995; cháu bé tên là Dương Viết H, sinh ngày 17/9/2001. Cháu Th đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông nhất trí để bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Viết H. Về vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi cháu H: Ông không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Viết H, cháu H ở với mẹ để thuận tiện cho việc bà L nuôi dạy cháu H học nghề, sau này cháu H trưởng thành có nghề nghiệp ổn định thì cháu H sẽ quay về chăm sóc ông. Hiện nay ông là người bị nhiễm chất độc da cam, có khó khăn về kinh tế, đang được hưởng trợ cấp hàng tháng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi cháu Dương

Viết H. Về chia tài sản: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông không có yêu cầu phản tố gì.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (bà Bùi Thị Thanh T, bà Đoàn Thị H) trình bày:* Nhất trí với ý kiến trình bày của ông Dương Viết T qua lời phiên dịch của anh Dương Viết Th.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T. Về nuôi con chung: Bà đề nghị Tòa án cho bà nuôi dưỡng cháu Dương Viết H, sinh ngày 17/9/2001. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án: Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Viết H, sinh ngày 17/9/2001 cho bà Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2019, Ủy ban nhân dân xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: Qua đối chiếu sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại xã Khánh Thịnh từ năm 1994 đến nay không có trường hợp nào có tên là Nguyễn Thị L và Dương Viết T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thịnh.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: Qua đối chiếu sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại xã Yên Phú (nay là thị trấn Yên Thịnh) từ năm 1994 đến nay không có trường hợp nào có tên là Nguyễn Thị L và Dương Viết T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phú (nay là thị trấn Yên Thịnh). Từ năm 1994 đến năm 1996 không còn sổ lưu giữ.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2019, Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: Qua đối chiếu sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường Tân Bình từ năm 2007 đến nay không có trường hợp nào có tên là Nguyễn Thị L và Dương Viết T đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân phường Tân Bình. Bà Nguyễn Thị L và ông Dương Viết T thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng Tổ dân phố không phải đứng ra để giải quyết, không thấy bà L và ông T có hành vi bạo hành trẻ em.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2019, Ủy ban nhân dân phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: Qua đối chiếu sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường Yên Bình từ năm 1994 đến năm 2007 không có trường hợp nào có tên là Nguyễn Thị L và Dương Viết T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn (tức đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Dương Viết T) và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Ông Dương Viết T có địa chỉ tại phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Do ông T, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà L, ông T có tổ chức đám cưới vào ngày 04/6/1994 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương thì không có trường hợp nào có tên là Nguyễn Thị L, Dương Viết T đăng ký kết hôn. Bà L, ông T có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

Về nuôi con chung: Bà L, ông T có hai con chung, cháu lớn tên là Dương Viết Th, sinh ngày 02/4/1995; cháu bé tên là Dương Viết H, sinh ngày 17/9/2001. Cháu Th đã trưởng thành nên ông T, bà L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về việc nuôi dưỡng cháu H:

Căn cứ vào Đơn trình bày của cháu Dương Viết H đề ngày 09/7/2019 thì cháu H có nguyện vọng ở với bà L.

Bà L trình bày: Để tiện cho việc chăm sóc cháu H, bà đề nghị được nuôi

dưỡng cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; bà làm lao động tự do, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng nên bà đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cháu H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T nhất trí để bà L nuôi dưỡng cháu H.

Xét hoàn cảnh, điều kiện và nguyện vọng của cháu Dương Viết H thấy rằng: Bà L có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu Dương Viết H. Vì vậy, căn cứ vào nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu Dương Viết H của bà L, giao cho bà L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Dương Viết T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Viết H, sinh ngày 17/9/2001 cho bà Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001408 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 06/9/2019.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND phường Yên Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng